

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-PT

Ngày 25-4-2024

V/v Chia di sản thừa kế, chia tiền
bồi thường, hủy các văn bản nhận
tài sản thừa kế, văn bản từ chối
nhận di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Ông Lộc Sơn Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm
2023 về việc: "Chia di sản thừa kế, chia tiền bồi thường, hủy các văn bản nhận tài
sản thừa kế, văn bản từ chối nhận di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của
Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 13/2024/QĐ-PT ngày 16
tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐ-PT ngày
31/01/2024, T1 báo chuyển ngày số: 07/TB-TA ngày 28/02/2024, Quyết định
hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐ-PT ngày 20/3/2024, T1 báo chuyển ngày số:
11/TB-TA ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trình Thị T (Trình Thị H), sinh năm 1960; địa chỉ: Số
nhà *, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trình Thị T: Bà Nguyễn Thị H, sinh
năm 1991; nơi cư trú: Số *, đường N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội
(theo Giấy ủy quyền ngày 20/9/2023). Có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Bà Trình Thị L (tức Trình Thị T1), sinh năm 1967; nơi cư trú: Số *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của bà Trình Thị L:* Bà Nguyễn Thị Trung V-Luật sư Văn phòng Luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Trình A V; sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trình A V: Bà Lương Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của ông Trình A V:* Bà Lương Thị Kim M - Luật sư Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số *, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trình Thị T2 (tức Trình Thị S), sinh năm 1964; nơi cư trú: Số *, tổ **, khối ***, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trình Thị T2: Ông Vương Đình Đ, sinh năm 1999, địa chỉ: Số *, đường N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Ông Lương Văn A (đã chết). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lương Văn A : Bà Trình Thị S (tức T2) (là vợ của ông Lương Văn A); nơi cư trú: Số *, tổ **, khối ***, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Trình Thị L (T3); nơi cư trú: Ngách *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Bà Trương Thị M (Hồng); nơi cư trú: Ngách *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vắng mặt.

5. Ông Lê Minh K và bà Đỗ Thị Kim D; địa chỉ: Xã H, huyện H, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Thanh H và bà Hoàng Thị C; nơi cư trú: Số *, khu T, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

7. Ông Chu Văn D và bà Hoàng Thị Ngọc A; nơi cư trú: Ngách *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đều vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị H1; nơi cư trú: Đường B, khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Hà Thị N (Hà Thị M); nơi cư trú: Ngõ *, đường B, khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1964 và bà Lương Thị C, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

11. Ông Lương Quang S (P), sinh năm 1966; nơi cư trú: Số *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Chị Trình Thị H1 , nơi cư trú: Số nhà * phường Đ, thị xã T, tỉnh B, có mặt. Chị Trình Thị O; nơi cư trú: Số *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vắng mặt.

13. Anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1984 và chị Tô Thị H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khôi *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

14. Ông Lê Đình T; nơi cư trú: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Bà Lương Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

16. Bà Lương Thị H1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà *, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

17. Chị Trình Mỹ L, sinh năm 1994; anh Trình Trung K, sinh năm 2001, anh Nguyễn Mạnh T; cùng trú tại địa chỉ: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Trình Mỹ L; anh Trình Trung K, có mặt; anh Nguyễn Mạnh T, vắng mặt.

18. Ông Lành Văn H; nơi cư trú: Số nhà 1, Ngách *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

19. Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn M – Phó chủ tịch phụ trách UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

20. Phòng công chứng N. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn C, Phó trưởng phòng công chứng N; địa chỉ: Đường D, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

21. Bà Tô Thị S, sinh 1972 và ông Trình A D, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

22. Ông Trình A C (tức C), sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trình Thị D, sinh năm 1950 và ông Trình Dụ S, sinh năm 1949; nơi cư trú: Số nhà *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Trình Thị T (tức H), là nguyên đơn, bà Trình Thị L (tức Trình Thị T1), ông Trình A V, là bị đơn và bà Trình Thị S (tức Trình Thị T2) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn Trình Thị T (tức H) và người đại diện theo ủy quyền của bà Trình Thị T trình bày:

Bà Trình Thị T (tức H) được cụ Trình Dụ H (tức Hoàng Việt D), (sinh năm 1940, chết năm 2011) và cụ Trình Thị C (sinh năm 1940, chết năm 2012) nhận làm con nuôi từ khi bà Trình Thị T được 20 ngày tuổi. Cụ Trình Dụ H và Trình Thị C có 05 người con gồm: Bà Trình Thị T (tức Trình Thị H) – con nuôi và 04 người con đẻ là bà Trình Thị S (Trình Thị T2), sinh năm 1964; bà Trình Thị L (tức Trình Thị T1), sinh năm 1967; ông Trình A V, sinh năm 1970; bà Trình Thị M, sinh năm 1973 (đã chết năm 2005, bà M có chồng đã chết và không có con). Ngoài ra cụ Trình Dụ H và Trình Thị C không có con ngoài giá thú, con nuôi nào khác.

Cụ Trình Dụ H và Trình Thị C khi chết đều không để lại di chúc. Trong quá trình sinh sống cụ Trình Dụ H và Trình Thị C đã tạo lập được một số tài sản sau đây:

1. 09 (chín) thửa đất với tổng diện tích 4.580,6m², đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-0052/QSDĐ/84/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 24/06/1999 hiện nay Trình Thị L (Trình Thị T1) đứng tên gồm các thửa gồm: Thửa số 43, tờ bản đồ số 45; thửa số 81, tờ bản đồ số 46; thửa số 04, tờ bản đồ số 49; thửa số 09, tờ bản đồ số 49; thửa số 11a, tờ bản đồ số 49; thửa số 16, tờ bản đồ số 49; thửa số 91b, tờ bản đồ số 50; thửa số 61, tờ bản đồ số 53; thửa số 88, tờ bản đồ số 53; cùng địa chỉ: Khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đối với các thửa đất nêu trên có 08 thửa (Thửa số 43, thửa số 04, thửa số 09, thửa số 11a; thửa số 16; thửa số 91b; thửa số 61; thửa số 88) đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L diện tích bị thu hồi là 3.567,9m² (trong đó bà Trình Thị L thực hiện kê khai, kiểm đếm diện tích 3.354,5m², ông Trình A V kê khai, kiểm đếm diện tích 213,4m²). Bà Trình Thị L nhận giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số tiền là 1.716.911.500 đồng; ông Trình A V nhận số tiền là 315.073.200 đồng. Ngoài ra bà Trình Thị L được hỗ trợ giao 03 lô đất tái định cư (trị giá khoảng 2 tỷ đồng).

Còn thửa đất 81, tờ bản đồ 46, diện tích 906,2m², tại Khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2011 bà Trình Thị L chia tách thành nhiều thửa nhỏ để chuyển nhượng và tặng cho người khác, cụ thể: Tặng cho bà Trình Thị T diện tích 120m²; chuyển nhượng cho chị Lương Thị H1 (em vợ ông Trình A V) diện tích 114m², chuyển nhượng cho ông Lưu Văn N và bà Đinh Thị D diện tích 90m²; chuyển nhượng cho ông Trình A V, diện tích 111,0m²; chuyển nhượng cho ông Đào Văn M diện tích 115,8m²; chuyển nhượng cho bà Trình Thị L và bà Trương Thị H tổng diện tích 184 m².

2. 03 (ba) thửa đất tổng diện tích 4.242m² đã được cấp Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số 01466/QSĐĐ/112/2000/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp cho ông Hoàng Việt D ngày 19/05/2000, gồm: Thửa số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Việt D) chết, ông Trình A V nhận 03 thửa đất nêu trên, sau đó nhập thửa, tách thửa, cụ thể: Thửa số 55 tách thành thửa số 374 và thửa số 375, tờ bản đồ số 16. Thửa số 19 và thửa số 20 nhập thửa rồi tách thành thửa số 386 và thửa số 387, tờ bản đồ số 24. Đối với Thửa số 387 ông Trình A V tiếp tục tách thành các thửa số 396, 397, 398. Ông Trình A V tặng cho bà Trình Thị L thửa số 375, tờ bản đồ số 16 và thửa số 386, tờ bản đồ số 24; tặng cho Trình Mỹ L (con gái ông Văn) thửa số 397, tờ bản đồ số 24; chuyển nhượng cho bà Lương Thị H1 thửa số 398, tờ bản đồ số 24.

Bà Trình Thị L tách thửa số 386, tờ bản đồ số 24 thành các thửa số 393, 394, 395; sau đó tặng cho chị Trình Thị O (con gái bà L) thửa số 394; tặng cho chị Trình Thị H1 (con gái bà L) thửa số 395.

3. 03 (ba) thửa đất 64, 65, 66; tờ bản đồ 37; địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tổng diện tích là 1.201,9m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/5/2007 do UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp mang tên Trình Thị C; sau đó cụ Trình Thị C nhập thửa đất của ông Lương Văn A (là con rể, chồng bà Trình Thị S, đất này ông A mua của ông Trình Dụ S) để cụ Trình Thị C đứng tên. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Trình Thị C lại chia, tách các thửa gồm: Thửa số 64-4; thửa số 65-4; thửa số 66-4, cùng tờ bản đồ số 37. Cụ Trình Thị C tặng cho bà Trình Thị L thửa số 65-4; tặng cho Trình A V thửa số 66-4; tặng cho ông Lương Văn A thửa số 64-4. Ông Trình A V chuyển nhượng một phần đất tách từ thửa số 66-4 cho anh Phạm Mạnh C và chị Tô Thị H (là thửa số 227, tờ bản đồ số 37) diện tích 71m² vào ngày 16/5/2018.

4. 02 (hai) thửa đất số 295, 310 thuộc tờ bản đồ 106; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Trình A V quản lý, sử dụng thửa số 295, tờ bản đồ số 106, diện tích 807m². Bà Trình Thị L quản lý, sử dụng thửa số 310, tờ bản đồ số 106, diện tích 1.051m², sau đó bà Trình Thị L đổi đất làm đường, hiện thực tế chỉ còn 871m².

5. Đất diện tích 300m² tại số 02, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do ông Trình A V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 27/12/2001; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C xây dựng, hiện cháu Trình Mỹ L sử dụng. Qua đo đạc, đất là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 45, diện tích 375,6m².

6. Đất diện tích 300m² tại địa chỉ Số *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do bà Trình Thị L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua đo đạc, đất là thửa đất số 82, tờ bản đồ số 46, diện tích 375,6m².

Sau khi cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C chết, các con của hai cụ không tổ chức họp gia đình để phân chia di sản thừa kế, bà Trình Thị T không ký bất kỳ văn bản từ chối di sản thừa kế nào và bà Tuất không bị truất quyền thừa kế. Nay bà Trình Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H (Hoàng Việt D) và cụ Trình Thị C chết để lại, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất: Giá trị của 08 thửa (Thửa số 43, thửa số 04, thửa số 09, thửa số 11a; thửa số 16; thửa số 91b; thửa số 61; thửa số 88) đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L. Tổng số tiền bồi thường là 2.067.984.700 đồng và giá trị 03 lô đất tái định cư.

- Thửa đất 81, tờ bản đồ 46, diện tích 906,2m², tại Khôi *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Thửa số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; tổng diện tích 4.240m²

- Thửa số 64, 65, 66; tờ bản đồ 37; địa chỉ tại: Khôi *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tổng diện tích còn lại là 800m²

- Thửa số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích hiện nay là diện tích 1.678m², địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 45, diện tích 375,6m² tại số 02, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C xây dựng.

- Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 46, diện tích 375,6m² tại địa chỉ Số *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Trình Thị T yêu cầu chia đều cho 4 chị em gồm: Trình Thị T (H), Trình Thị S (T2), Trình Thị L (T1) và Trình A V theo quy định của pháp luật và đề nghị được hưởng ¼ di sản thừa kế bằng hiện vật là đất. Đối với tiền đền bù yêu cầu được hưởng bằng tiền còn đối với 03 lô đất tái định cư chưa được Nhà nước giao bà Trình Thị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Đề nghị Hủy các văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 05/8/2011 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế lập ngày 15/9/2011. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Trình Thị L (T1), ông Trình A V trình bày như sau:

Bà Trình Thị T không có quyền đòi chia quyền sử dụng đất của Hộ gia đình cụ Trình Dụ H, do: Bà Trình Thị T đã cắt khẩu khỏi hộ gia đình cụ Trình Dụ H từ ngày 15/10/1981, khi đó hộ cụ Trình Dụ H chỉ có đất ở, còn đất canh tác là của H tác xã. Đến năm 1989 - 1990 hộ cụ Trình Dụ H được nhà nước giao

đất và từ thời điểm đó mới có quyền sử dụng đất của hộ cụ Trình Dụ H. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013, Công văn hướng dẫn số 01/2017/GD- TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao tại khoản 4 mục III, bà Trình Thị T không được hưởng quyền sử dụng đất như các thành viên trong hộ gia đình cụ Trình Dụ H tại thời điểm nhà nước giao đất và tại thời điểm nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng vì căn cứ này, sau khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Việt D) chết ngày 18/5/2011, ngày 15/9/2011 cả gia đình đã đến Phòng Công chứng số I tỉnh Lạng Sơn trong đó có cả bà Trình Thị T; mọi người đã được Phòng Công chứng N hướng dẫn chỉ những người có tên trong sổ hộ khẩu mới được nhà nước công nhận có sử dụng đất và được nhà nước giao đất, theo đó bà Trình Thị T đã cắt khẩu khỏi gia đình từ năm 1981, nên không có quyền được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất của hộ cụ Trình Dụ H, nên không phải lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất. Cụ Trình Thị C và bà Trình Thị S làm giấy từ chối nhận di sản, còn bà Trình Thị L và ông Trình A V làm khai nhận di sản cho hộ gia đình. Sau khi lập giấy tờ, các T1 tin nhận thừa kế là quyền sử dụng đất được đăng công khai tại UBND phường Đ và không có ai có ý kiến gì tranh chấp kể cả bà Trình Thị T biết rõ và cùng tham gia giải quyết việc này. Việc hướng dẫn và thực hiện thủ tục của Phòng Công chứng N là có căn cứ pháp lý và đúng thủ tục.

Bà Trình Thị T đã được chia phần thừa kế di sản của cụ Trình Dụ H, cụ thể là cụ Trình Thị C đã yêu cầu mọi người trong hộ ký giấy tờ chia cho bà Trình Thị T 120m², được tách ra từ thửa số 81, tờ bản đồ 46 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trình Thị L. Sau này bà Trình Thị T đã chuyển nhượng cho người khác. Bà Trình Thị T còn mượn của cụ Trình Thị C 70.000.000 đồng từ những năm 1989 - 1990, trước khi cụ C chết (Trước năm 2012) thì cụ vẫn đòi số tiền này. Đến nay bà Trình Thị L và ông Trình A V không đòi, coi như bà Trình Thị T đã nhận thừa kế di sản của cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C.

Ngoài ra bà Trình Thị T còn vay tiền của bà Trình Thị L số tiền 60.000.000 đồng từ năm 2005, nhưng bà Trình Thị T mới trả được 20.000.000 đồng cho bà Trình Thị L. Bà Trình Thị L đề nghị Tòa buộc bà Trình Thị T trả lại số tiền còn lại là 40.000.000 đồng và tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, thời gian từ 2005 đến nay.

Về việc bà Trình Thị T đề nghị tòa tuyên hủy các văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 05/08/2011 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế lập ngày 15/9/2011 là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị hủy các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trình Thị L và ông Trình A V không nhất trí.

Tại phiên tòa, các bị đơn trình bày bổ sung: Đối với 03 (ba) thửa đất 64, 65, 66; tờ bản đồ 37; địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tổng

diện tích là 1.201,9m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/5/2007 do UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp tên Trình Thị C. Cụ Trình Thị C tặng cho bà Trình Thị L 500m² thực nhận là 446m²; tặng cho Trình A V 500m² thực nhận là 446m²; cụ Trình Thị C bán đi 200m². Đây là tài sản riêng của cụ Trình Thị C do ông cha để lại, việc cụ tặng cho, chuyển nhượng là quyền của cụ. Phần đất phía sau các thửa đất cụ Ca đã tặng cho ông Trình A V, bà Trình Thị L là một phần đất mương thuộc đất của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn quản lý, thể hiện trong mảnh trích đo, ông Trình A V và bà Trình Thị L không sử dụng phần đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lương Văn A - bà Trình Thị S (T2) trình bày:

Về các thành viên trong gia đình và các di sản thừa kế do cụ Trình Dụ H và Trình Thị C để lại, ý kiến của bà giống như ý kiến của bà Trình Thị T do người đại diện theo ủy quyền trình bày. Bà Trình Thị S trình bày bổ sung nguồn gốc 03 (ba) thửa đất 64, 65, 66; tờ bản đồ 37; địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ba thửa đất nêu trên là đất ông cha bên ngoại cụ Trình Thị C. Năm 2007 vợ chồng bà Trình Thị S, ông Lương Văn A có mua 01 thửa đất của ông Trình Dụ S để sử dụng là thửa 42 và thửa số 75, tờ bản đồ 37, diện tích 655m², địa chỉ thửa đất tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (có lập giấy chuyển nhượng đất viết tay, vì thời điểm đó đất ông Sàng chưa kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đến năm 2008 ông Trình Dụ S mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã giao giấy chứng nhận cho vợ chồng bà Trình Thị S.

Năm 2012 cụ Trình Thị C có trao đổi bàn bạc với vợ chồng bà gộp 03 (ba) thửa đất 64, 65, 66 do cụ Trình Thị C đứng tên và 02 (hai) thửa 42, 75 do ông Trình Dụ S đứng tên để cụ Trình Thị C hợp thửa, tách thửa; vợ chồng bà và ông Trình Dụ S đều nhất trí. Sau khi cụ Trình Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ C đã trả lại đất vợ chồng bà Trình Thị S dưới hình thức tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn A (chồng bà S), cụ thể ngày 02/02/2012 cụ Trình Thị C lập Hợp đồng tặng cho ông Lương Văn A diện tích 526m², tuy nhiên diện tích thực nhận là 478m², do chỉ lấy diện tích vuông, các góc cạnh không đo. Ngoài ra, cụ C còn tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trình Thị L và ông Trình A V và phần diện tích còn lại cụ C đã bán. Đối với đất cụ Trình Thị C tặng cho ông Trình A V có một phần đất cụ C đã bán cho anh Phạm Mạnh C và chị Tô Thị H, sau này ông Trình A V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới làm thủ tục chuyển nhượng H pháp cho anh Phạm Mạnh C và chị Tô Thị H.

Ngoài ra vợ chồng bà còn mua thêm đất của người khác để làm đường đi vào nhà. Phần đất phía sau nhà là đất mương thuộc đất của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn quản lý, thể hiện trong mảnh trích đo nhưng gia đình bà Trình Thị S không sử dụng phần đất này. Nay bà Trình Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản của cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C, bà Trình Thị S nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị H trình bày: Nhất trí với lời trình bày của (chồng bà) bị đơn Trình A V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị H1 tại bản tự khai trình bày: Bà là em ruột bà Lương Thị H, bà được biết hộ nhà chị gái Lương Thị H có ruộng, vườn nhưng canh tác năm làm được năm lại bỏ không, đã chuyên nhượng cho bà. Sổ đất nông nghiệp gia đình bà nhận chuyên nhượng, mọi việc trong quá trình chuyển nhượng thực hiện thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị M (H) tự khai: Về nguồn gốc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 46, diện tích 120m², tại khối 3 phường Đ, thành phố L là bà mua với bà Trình Thị L và Lương Quang S vào ngày 06/9/2013, có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng công chứng số 1 tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 08/10/2013 bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Trương Thị M. Sau khi mua xong, bà xây nhà cấp 4 để ở cho đến nay. Từ khi bà mua thửa đất cho đến nay không thấy ai tranh chấp gì. Nay bà Trình Thị T có yêu cầu chia di sản thừa kế với bà Trình Thị L và Trình A V, việc này không liên quan gì đến bà. Do bà buôn bán kinh doanh, không tham gia giải quyết vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà tại các phiên tòa của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H và bà Hoàng Thị C khai: Vợ chồng bà có mua của chị Lương Thị H1 mảnh đất số 123, tờ bản đồ 46 tại Khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích sử dụng 114m². Hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng Công chứng số 01 tỉnh Lạng Sơn. Thời điểm mua là ngày 27/11/2014. Lúc mua là đất nông nghiệp, sau đó ông, bà đã chuyển mục đích sử dụng sang đất ở lâu dài. Ông, bà không quen biết gì đến bà T, bà L, ông V, cũng không liên quan đến việc tranh chấp của những người này. Vì vậy, ông, bà đề nghị Tòa án không triệu tập ông, bà với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đề nghị tòa tiến hành hòa giải, giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông, bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị L (T3) khai: Về nguồn gốc đất gia đình bà đang ở có nguồn gốc mua của bà Trình Thị L (tức T1) vào ngày 20/9/2013. Khi mua hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thửa đất số 127.1, tờ bản đồ số 46, diện tích 64 m². Hiện nay thửa đất bà đang sử dụng đã đổi số thửa thành thửa số 72, tờ bản đồ số 41, diện tích 56,4m², đã được Sở T tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 30/12/2022, mang tên Trình Thị L (Trình Thị T3). Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, bà xây dựng năm 2013. Nay bà Trình Thị T (tức H) có tranh chấp với bà Trình Thị L (tức T1) và Trình A V về việc tranh chấp chia di sản thừa kế, không liên quan gì đến bà, bà từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà, tại phiên họp, phiên tòa của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh K và Đỗ Thị Kim D khai: Vợ chồng ông, bà có mua một thửa đất số 236, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: khối 3, phường Đ, thành phố L, diện tích 56,4m², có mua với ông Nguyễn Việt

H. Hai bên có Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân phường Đ vào ngày 23/8/2019. Hiện nay đất chưa xây dựng gì trên đất. Về nguồn gốc thửa đất 236 ông, bà đang sử dụng, ông, bà chỉ biết người sử dụng đất là ông Nguyễn Việt H còn người sử dụng trước đó ông, bà không hề biết. Vì vậy, ông, bà từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan tới vụ án. Đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án hòa giải, xét xử vắng mặt ông, bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T và bà Lương Thị C: Ngày 16/3/2020, vợ chồng bà có mua của ông Trình A V, bà Lương Thị H thửa đất số 374, tờ bản đồ 16 tại Thôn R, xã M, thành phố L, diện tích 532m². Khi mua, hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại UBND xã Mai Pha. Ngày 12/06/2020, vợ chồng bà được Sở T tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Hoàng Văn T, Lương Thị C. Sau khi mua, bà dùng để trồng màu. Do ông, bà bận công việc, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông, bà tại phiên họp, phiên tòa của tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn D và bà Hoàng Thị Ngọc A trình bày: Ngày 29/7/2021, vợ chồng bà có mua của ông Nguyễn Thanh B thửa đất số 317, tờ bản đồ 46, diện tích 80m² tại khối 3, phường Đ, thành phố L. Hai bên có lập Hợp đồng quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Đ. Đến ngày 18/8/2021 vợ chồng bà được Sở T cấp GCNQSDĐ. Đầu năm 2023, vợ chồng bà xây một ngôi nhà 3 tầng để sử dụng, đất vợ chồng bà sử dụng có nguồn gốc trước đây là của gia đình bà T1, ông Văn bán cho các chủ trước, bà là người mua sau. Do vậy, ông, bà từ chối tham gia tố tụng liên quan đến vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà tại các buổi tham gia hòa giải, xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lành Văn H khai: Ngày 14/4/2015 ông có mua với bà Nguyễn Thị Hải Y, ông Vy Trần Đ thửa đất số 239, tờ bản đồ 46, diện tích 100m² tại khối *, phường Đ, thành phố L. Hai bên có lập Hợp đồng quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng A. Đến ngày 27/5/2019, ông được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp GCNQSDĐ. Ngày 16/12/2019 ông chuyển mục đích sử dụng đất trong đó có 80m² là đất ở, 20m² là đất trồng cây hàng năm. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay ông sinh sống trên thửa đất này. Do vậy với vụ án này ông từ chối tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các buổi tham gia hòa giải, xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tô Thị H, anh Phạm Mạnh C khai: Ngày 09/12/2010 anh chị mua với bà Trình Thị C đất diện tích 185m², khi mua có lập văn bản bằng giấy viết tay. Đến ngày 16/5/2018 gia đình có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó bà C đã mất. Thửa đất vợ chồng anh, chị mua nằm trong giấy chứng nhận đứng tên Trình A V, nên gia đình có làm Hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng A 71m², diện tích còn lại lập giấy chuyển nhượng viết tay với ông V. Đến ngày 13/6/2018 thì được Sở T tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình cũng

đã xây dựng nhà ở trên đất, diện tích 71m² đã chuyển đổi sang đất ở. Đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho gia đình anh, chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trình Mỹ L, anh Trình Trung K, anh Nguyễn Mạnh T, ông Lương Quang S (tức P), chị Trình Thị HI, chị Trình Thị O khai: Việc bà Trình Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, các anh, chị nhất trí với ý kiến của ông Trình A V và bà Trình Thị L (T1).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T khai: Năm 2015 ông thuê đất với ông V, bà L (T1) diện tích 1000m² tại tổ 4 khối 5, thị trấn C, thời hạn thuê 10 năm, giá thuê 5.000.000 đồng/tháng, ông đã trả đủ tiền thuê 10 năm. Nay bà H, bà L, ông V có tranh chấp liên quan đến thửa đất ông đang thuê, ông không liên quan gì đến việc chia di sản thừa kế, chỉ là người thuê đất sử dụng mặt bằng để kinh doanh. Ông đã trả hết tiền thuê đất cho ông V và bà L. Ông từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị S, ông Trình A D khai: Ông, bà có nhà, đất tiếp với nhà, đất của ông Trình A V từ năm 1960 gia đình ông, bà và gia đình ông Văn sử dụng vẫn giữ nguyên hiện trạng như bây giờ. Hai bên gia đình ông, bà và gia đình ông Văn đều đã xây dựng tường rào và nhà khép kín khuôn viên, hai bên không có tranh chấp gì. Đất sử dụng không đúng như bản đồ địa chính ông, bà cũng không có gì thắc mắc. Đề nghị giữ nguyên hiện trạng như hiện nay gia đình hai bên đang sử dụng. Ông, bà từ chối tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng N khai: Văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 05/8/2011 và Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế lập ngày 15/9/2011 đã được Công chứng viên Phòng Công chứng N thực hiện đúng trình tự, thủ tục.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trình A C (tức C) trình bày: Từ xưa ông đã ở trên mảnh đất có nhà và đất tiếp giáp với nhà và đất của ông V. Gia đình ông và ông V đã xây tường rào và nhà kiên cố. Diện tích đất gia đình ông và gia đình ông V sử dụng không đúng với bản đồ địa chính nhưng ông và gia đình ông V không có thắc mắc, tranh chấp gì. Ông không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa bà T, bà L, ông V. Ông từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Người làm chứng bà Trình Thị D, ông Trình Dụ S khai: Vợ chồng ông bà có một khu đất diện tích 460m² tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là thửa đất 42 và 75 tờ bản đồ 37 thị trấn C, huyện C. Năm 2004 vợ chồng ông, bà bán cho ông Lương Văn A và bà Trình Thị T2 là cháu gái và cháu rể. Ngày 20/4/2007 vợ chồng ông, bà mới làm giấy tờ mua bán viết tay (giấy chuyển nhượng) đất này, thời điểm đó chưa có giấy tờ. Sau đó ông Trình Dụ S mới làm kê khai, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/6/2008 mang tên Trình Dụ S. Sau đó, cụ Trình Thị C và ông Lương Văn A có trao đổi với ông Trình Dụ S gộp thửa đất của ông, bà và 03 thửa đất của bà C để bà C đứng tên. Sau khi bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà C đã trả lại đất cho con gái và con rể là bà T1 và ông A để sử dụng. Ông, bà xác nhận thửa đất trên Cao Lộ ông, bà đã bán cho Trình Thị T2

và Lương Văn A là đúng sự thực. Ông, bà từ chối tham gia tố tụng do tuổi cao, đi lại khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn C, có ý kiến như sau: Diện tích đất S3 thuộc một phần thửa số 158, tờ bản đồ số 37, mục đích sử dụng là đất nương (TL). Tại sổ giao nhận diện tích do UBND thị trấn C đứng tên ký nhận. Việc xây dựng công trình trên đất thuộc diện tích S3, S6 là vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, xây dựng nhà trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Diện tích đất S4, S5 thuộc một phần thửa đất số 74, tờ bản đồ số 37, mục đích sử dụng là đất bờ. Tại sổ giao nhận diện tích do UBND thị trấn đứng tên ký nhận. Các diện tích xây dựng công trình lên một phần thửa đất số 74, mục đích sử dụng là đất bờ là hành vi vi phạm lấn chiếm đất chưa sử dụng.

- Diện tích đất có công trình trên đất nông nghiệp nếu chưa chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định là vi phạm quy định về việc tự ý chuyển mục đích mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Ý kiến của UBND thị trấn C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn trong quá trình tiến hành giải quyết cần kiểm tra, xem xét về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng trước khi ban hành quyết định của bản án đối với diện tích đất từ S1 đến S8.

Với nội dung vụ án nêu trên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Trình Thị T (tức H).

2. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất ngày 18/5/2011 khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Viết D) chết; thời điểm mở thừa kế lần thứ hai ngày 13/8/2012 khi cụ Trình Thị C chết.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trình Dụ H (Hoàng Viết D) chết gồm: Cụ Trình Thị C, bà Trình Thị T (H), bà Trình Thị L (T1), bà Trình Thị S (Thành), ông Trình A V. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trình Thị C gồm: Bà Trình Thị T (H), bà Trình Thị L (T1), bà Trình Thị S (Thành), ông Trình A V.

3. Xác định di sản thừa kế cụ Trình Dụ H (Hoàng Viết D) gồm:

- Giá trị ½ của 08 (tám) thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

- Giá trị ½ của các thửa đất sau: Thửa đất 81, tờ bản đồ 46, nay là các thửa 240, 239, 123, 317, 125, 236, 237, 261, 260, cùng tờ bản đồ số 46, tổng diện tích 906,2m², tại Khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Thửa số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; nay là các thửa số 374, 375, cùng tờ bản đồ số 16; các thửa số 393,

394, 395, 396, 397, 398, cùng tờ bản đồ số 24; có tổng diện tích 4.242m² cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Thừa số 64, 65, 66, cùng tờ bản đồ 37; nay là thửa 65-4; 66-4, cùng tờ bản đồ 37 có tổng diện tích thực tế 746m² địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

+ Thừa số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích hiện nay là diện tích 1.678m², địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Phân chia di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H (Hoàng Việt D) thành 05 (năm) kỷ phần bằng nhau cho cụ Trình Thị C, bà Trình Thị T, bà Trình Thị L, bà Trình Thị S và ông Trình A V.

Cụ Trình Thị C đã tặng cho bà Trình Thị L và ông Trình A V kỷ phần của cụ Trình Thị C được hưởng từ di sản của cụ Trình Dụ H.

- Giá trị ½ của 08 (tám) thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

- Giá trị ½ của các thửa đất sau: Thửa đất 81, tờ bản đồ 46, nay là các thửa 240, 239, 123, 317, 125, 236, 237, 261, 260, cùng tờ bản đồ số 46, tổng diện tích 906,2m², tại Khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Thừa số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; nay là các thửa số 374, 375, cùng tờ bản đồ số 16; các thửa số 393, 394, 395, 396, 397, 398, cùng tờ bản đồ số 24; có tổng diện tích 4.242m² cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Thừa số 64, 65, 66, cùng tờ bản đồ 37; nay là thửa 65-4; 66-4, cùng tờ bản đồ 37 có tổng diện tích thực tế 746m² địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

+ Thừa số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích hiện nay là diện tích 1.678m², địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Phân chia di sản thừa kế của cụ Trình Thị C thành 04 (bốn) kỷ phần bằng nhau cho bà Trình Thị T, bà Trình Thị L, bà Trình Thị S và ông Trình A V. Cụ Trình Thị C đã tặng cho bà Trình Thị L và ông Trình A V tài sản của mình.

4. Phân chia di sản thừa kế bằng tiền, bằng hiện vật cho những người trong diện thừa kế cụ thể như sau:

4.1. Chia cho bà Trình Thị T được di sản thừa kế bằng giá trị tiền, cụ thể: Bà Trình Thị T được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền bồi thường đối với 08 (tám) thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L).

- Bà Trình Thị T được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H tương ứng 1/10 giá trị của các thửa đất số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; nay là các thửa số 374, 375, cùng tờ bản đồ số 16; các thửa số 393, 394, 395, 396, 397, 398, cùng tờ bản đồ số 24; có tổng diện

tích 4.242m² cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là 22.677.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

- Bà Trình Thị T được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H tương ứng 1/10 giá trị của các thửa số 64, 65, 66, cùng tờ bản đồ 37; nay là thửa 65-4; 66-4, cùng tờ bản đồ 37 có tổng diện tích thực tế 746m² địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 1.865.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Bà Trình Thị T được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H và 1/4 di sản thừa kế của cụ Trình Thị C, tương ứng 1/4 giá trị các thửa đất số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích hiện nay là diện tích 1.678m², địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là 209.750.000 đồng (hai trăm linh chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà Trình Thị T (tức H) được hưởng là 2.297.427.000 đồng (hai tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

4.2. Chia cho bà Trình Thị S (tức T2) được di sản thừa kế bằng giá trị tiền, cụ thể: Bà Trình Thị S được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H tương ứng 1/10 giá trị của các thửa số 64, 65, 66, cùng tờ bản đồ 37; nay là thửa 65-4; 66-4, cùng tờ bản đồ 37 có tổng diện tích thực tế 746m² địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là 1.865.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Bà Trình Thị S được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H và 1/4 di sản thừa kế của cụ Trình Thị C, tương ứng 1/4 giá trị các thửa đất số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích hiện nay là diện tích 1.678m², địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là 209.750.000 đồng (hai trăm linh chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà Trình Thị S (tức T2) được hưởng là 2.074.750.000 đồng (hai tỷ, không trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4.3. Chia cho bà Trình Thị L (tức T1), ông Trình A V được di sản thừa kế bằng hiện vật, cụ thể: Bà Trình Thị L và ông Trình A V được hưởng 9/10 tiền bồi thường đối với 08 (tám) thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L) là 1.800.000.000 đồng. Bà Trình Thị L, ông Trình A V đã nhận và tự chia.

- Bà Trình Thị L và ông Trình A V được hưởng 9/10 giá trị di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H và Trình Thị C là các thửa đất số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; nay là các thửa số 374, 375, cùng tờ bản đồ số 16; các thửa số 393, 394, 395, 396, 397, 398, cùng tờ bản đồ số 24; có tổng diện tích 4.242m² cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Bà Trình Thị L, ông Trình A V đã nhận đất và tự chia trên thực tế.

- Bà Trình Thị L và ông Trình A V được hưởng 1/2 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H và Trình Thị C là các thửa đất số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích hiện nay là diện tích 1.678m², địa chỉ: Thôn

B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Bà Trình Thị L, ông Trình A V đã nhận đất và tự chia trên thực tế.

- Bà Trình Thị L và ông Trình A V được hưởng 9/10 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H và Trình Thị C là các thửa số 64, 65, 66, cùng tờ bản đồ 37; nay là thửa 65-4; 66-4, cùng tờ bản đồ 37 có tổng diện tích thực tế 746m² địa chỉ tại: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bà Trình Thị L, ông Trình A V đã nhận đất và tự chia trên thực tế.(Có mảnh trích đo kèm theo).

4.4 Trách nhiệm thanh toán: Bà Trình Thị L (T1) và ông Trình A V có trách nhiệm liên đới trả phần giá trị tài sản thừa kế cho bà Trình Thị T (tức H) số tiền là 2.297.427.000 đồng (hai tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể: Bà Trình Thị L (T1) có trách nhiệm trả phần giá trị thừa kế cho bà Trình Thị T (tức H) số tiền 1.148.713.500 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng); ông Trình A V trách nhiệm trao trả phần giá trị thừa kế cho bà Trình Thị T (tức H) số tiền 1.148.713.500 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bà Trình Thị L (T1) và ông Trình A V có trách nhiệm liên đới trả phần giá trị tài sản thừa kế cho bà Trình Thị S (tức T2) số tiền là 2.074.750.000 đồng (hai tỷ, không trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Cụ thể: Bà Trình Thị L (T1) có trách nhiệm trả phần giá trị thừa kế cho bà Trình Thị S (tức T2) số tiền số tiền 1.037.375.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) ông Trình A V trách nhiệm trao trả phần giá trị thừa kế cho bà Trình Thị S (tức T2) số tiền 1.037.375.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trình Thị T (H) đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế các thửa đất:

- Thửa đất 81, tờ bản đồ 46, tại Khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nay là các thửa: Thửa 240; thửa 239 thửa 123; thửa 317; thửa 125; thửa 236; thửa 237; thửa 261; thửa 260, cùng tờ bản đồ số 46; địa chỉ: Khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 45, diện tích 375,6m² tại số 02, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

- Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 46, diện tích 274,7m² tại địa chỉ Số *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Không chấp nhận yêu cầu hủy văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 05/8/2011 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 15/9/2011.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trình Thị T (H) về yêu cầu chia thừa kế đối với 03 (ba) lô đất tái định cư (khu tái định cư và dân cư N thành phố L, tỉnh Lạng Sơn). Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.500.000 đồng; Chi phí đo đạc là 61.283.000 đồng. Tổng cộng: 70.783.000 đồng (bảy mươi triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

7.1. Bà Trình Thị T (H) phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy, tổng số tiền là 21.303.000 đồng (hai mươi một triệu, ba trăm linh ba nghìn đồng), bà Trình Thị T đã nộp đủ.

7.2. Bà Trình Thị S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy, tổng số tiền là 4.253.000 đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn đồng). Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị S phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 4.253.000 đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

7.3. Bà Trình Thị L (T1) và ông Trình A V phải liên đới chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy là 45.227.000 đồng. Cụ thể: Bà Trình Thị L phải chịu số tiền là 22.613.500đ, ông Trình A V phải chịu số tiền là 22.613.500 đồng. Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 22.613.500 đồng; ông Trình A V phải có trách nhiệm trả cho bà Trình Thị T số tiền là 22.613.500 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Trình Thị T (H) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị chia lại phần di sản thừa kế, cho bà được hưởng bằng hiện vật là một phần diện tích đất tương ứng và tuyên hủy toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trình A V, bà Trình Thị L với những người khác có liên quan.

Bị đơn bà Trình Thị L (T1), ông Trình A V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị xác định rõ di sản thừa kế để chia theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bà Trình Thị S (T2) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị chia lại phần di sản thừa kế, cho bà được hưởng bằng hiện vật.

Viện trưởng, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 94/QĐ-VKS-DS Ngày 30/10/2023, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trình Thị T và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung kháng cáo và không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc hủy Bản án sơ thẩm.

Các bị đơn bà Trình Thị L, ông Trình A V giữ nguyên nội dung kháng cáo và không đồng ý với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc hủy Bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để sửa bản án sơ thẩm

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trình Thị S (T2) và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung kháng cáo và không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc hủy Bản án sơ thẩm.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị: Kháng cáo của nguyên đơn, các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo và kháng nghị là hợp lệ.

Xét kháng cáo của những người có kháng cáo:

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Trình Dụ H chết ngày 18/5/2011, cụ Trình Thị C chết ngày 13/8/2012 khi chết không để lại di chúc. Do đó, xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất ngày 18/5/2011 khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Việt D) chết; thời điểm mở thừa kế lần thứ hai ngày 13/8/2012 khi cụ Trình Thị C chết. Về hàng thừa kế: Cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C có 04 người con đẻ là bà Trình Thị S (Thành), bà Trình Thị M (đã chết), bà Trình Thị L (T1), ông Trình A V và 01 người con nuôi là bà Trình Thị T (H). Bà Trình Thị T được cụ Hồ cụ Ca nuôi dưỡng từ nhỏ, được thể hiện tại bản sao Giấy khai sinh ngày 13/5/1975 do cụ Hồ khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã L (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ).

Về xác định di sản thừa kế: Gồm các thửa đất 43,04,09,11a, 16, 91b, 61, 88 tờ bản đồ số 45, 46, 49, 50, 53 đất tại khối 3 phường Đ, thành phố L có tổng diện tích 4582,6m² đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ Trình Dụ H ngày 24/6/1999. Bản án sơ thẩm xác định bà Trình Thị T được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H là chưa đảm bảo căn cứ. Do đó, cần xác định chia tài sản chung của hộ gia đình, sau đó mới chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đối với các thửa đất số 19, 20 tờ bản đồ số 24; thửa đất số 55 tờ bản đồ số 16 có tổng diện tích 4.240m², có địa chỉ tại khối 3 phường Đ, thành phố L nguồn gốc được cấp GCNQSDĐ ngày 19/5/2000 cho hộ ông Hoàng Việt D, thời điểm cấp GCNQSDĐ. Các thửa đất số 295, 310 thuộc tờ bản đồ số 106 địa chỉ tại Thôn B, xã H, thành phố L nguồn gốc là đất cha ông để lại cho cụ Trình Thị C

và cụ Hoàng Việt D, nên yêu cầu chia di sản của bà Trình Thị T đối với các thửa đất nêu trên là có căn cứ. Do hiện trạng các thửa đất nêu trên đã có biến động, không thể chia bằng hiện vật là đất nên bản án sơ thẩm chỉ chia bằng giá trị tiền tương ứng với kỹ phân được hưởng là có cơ sở.

Đối với các thửa đất số 64, 65, 66 tờ bản đồ số 37 đại chỉ tại khối 4, thị trấn C, huyện C, nay là thửa 65-4, diện tích 446,6m²; 66-4 diện tích 446,8m² tờ bản đồ 37 tổng diện tích thực tế là 746m² nguồn gốc là đất cha ông cụ Trình Thị C để lại, đã được cấp GCNQSDĐ ngày 16/5/2007 cho cụ Trình Thị C. Các thửa đất nêu trên được cấp GCNQSDĐ trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Dầu (Hò) và cụ Ca, nhưng đứng tên riêng cụ Ca. Thời điểm cấp giấy đến khi cụ Trình Dụ H chết nhưng cụ Hồ không có ý kiến gì. Do đó, có cơ sở xác định đây là tài sản riêng của cụ Ca theo quy định tại Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khi còn sống cụ Trình Thị C thực hiện tặng cho các con phần tài sản của mình, chuyển nhượng một phần cho người khác và không còn phần đất nào đứng tên cụ Ca. Vì vậy, xác định các thửa đất này không phải là di sản thừa kế của cụ Trình Thị C, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Trình Thị T và Trình Thị S đối với phần diện tích đất này là chưa đảm bảo căn cứ.

Thửa đất số 21 tờ bản đồ số 45 diện tích 375,6m² tại số * đường N1, phường Đ, thành phố L được cấp GCNQSDĐ ngày 27/12/2001 cho ông Trình A V, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ Trình Dụ H và Trình Thị C xây dựng năm 2001, khi cụ H và cụ C còn sống ông Trình A V sinh sống cùng bố mẹ, thực hiện thủ tục kê khai cấp GCNQSDĐ nhưng cụ H và cụ C cùng các anh chị em không ai có ý kiến gì, gia đình ông Trình A V sử dụng ổn định thửa đất nêu trên, vì vậy xác định cụ H, cụ C đã tặng cho ông V thửa đất này, không còn là di sản thừa kế của 2 cụ.

Thửa đất số 82 tờ bản đồ số 46 diện tích 274,7m² địa chỉ tại số 06 ngõ 34 đường N1, phường Đ, thành phố L được cấp GCNQSDĐ cho bà Trình Thị L, trên đất có nhà cấp 4 của bà Trình Thị L xây dựng, hiện bà L quản lý sử dụng. Xác định đây là tài sản của bà Trình Thị L đã sử dụng ổn định, không phải là di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu hủy các văn bản nhận thừa kế lập ngày 05/8/2011 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 15/9/2011; yêu cầu hủy toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trình A V, bà Trình Thị L với những người khác có liên quan, là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát: Kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án thấy rằng, Bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng, đánh giá chứng cứ chưa đảm bảo gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đồng thời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy văn bản nhận thừa kế lập ngày 05/8/2011 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 15/9/2011. Thấy rằng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, nên khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần xem xét, đánh giá văn bản nhận thừa kế và văn bản từ chối nhận

di sản thừa kế để giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của nguyên đơn, yêu cầu hủy toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trình A V, bà Trình Thị L với những người khác có liên quan. Bản án sơ thẩm không nhận định nhưng lại quyết định không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là chưa đảm bảo. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện KSND tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Tuy nhiên, đối với các vi phạm của bản án sơ thẩm, đã được làm rõ tại phiên tòa hôm nay, xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, mà cần sửa bản án sơ thẩm để làm rõ diện tích nào là di sản thừa kế, diện tích nào không phải là di sản thừa kế và chia theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị S. Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Trình Thị L, Trình A V sửa bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo hướng phân tích nêu trên.

Về án phí và chi phí tố tụng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập H lệ nhiều lần, một số đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đại diện hợp pháp của đương sự có mặt, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trình Thị T (H) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S (T2), kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị chia lại phần di sản thừa kế, cho các bà được hưởng bằng hiện vật là một phần diện tích đất tương ứng và tuyên hủy các văn bản nhận thừa kế lập ngày 05/8/2011 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 15/9/2011; hủy toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trình A V, bà Trình Thị L với những người khác có liên quan. Hội đồng xét xử P thẩm thấy rằng; Xét thấy các yêu cầu trên, căn cứ lời khai tại phiên tòa, các tài liệu chứng cứ và các mảnh trích đo có trong hồ sơ vụ án. Xác định việc cụ Trình Dụ H và Trình Thị C nuôi bà Trình Thị T diễn ra trên thực tế, bà Trình Thị T là con nuôi, được công nhận H pháp, được ghi trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch (cụ Trình Dụ H ghi “Trình Thị H” quan hệ với chủ hộ là “con”). Mặt khác, việc nhận nuôi con nuôi của cụ Trình Dụ H và Trình Thị C được mọi người công nhận, (theo điểm a, Điều 6 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 20/01/1988, hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986). Do vậy, xác định bà Trình Thị T là con nuôi thực tế của cụ Trình Dụ H

và Trình Thị C. Bởi vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất ngày 18/5/2011 khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Viết D) chết; thời điểm mở thừa kế lần thứ hai ngày 13/8/2012 khi cụ Trình Thị C chết và xác định về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trình Dụ H (Hoàng Viết D) và Cụ Trình Thị C, gồm: Bà Trình Thị T (H), bà Trình Thị L (T1), bà Trình Thị S (T2), ông Trình A V là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu thời điểm mở thừa kế đối với bà Trình Thị M chết ngày 16/8/2010 (BL 443) do đó quyền sử dụng đất của ông Trình Dụ H, bà Trình Thị C và bà Trình Thị M là 03 (ba) phần trong quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình. Bởi, GCNQSDĐ năm 1999 và năm 2000 được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho hộ gia đình ông Trình Dụ H (Hoàng Viết D).

[3] Xét về tài sản yêu cầu chia, Hội đồng xét xử thấy rằng; đối với 09 (chín) thửa đất gồm: Thửa số 43, tờ bản đồ số 45; thửa số 81, tờ bản đồ số 46; thửa số 04, tờ bản đồ số 49; thửa số 09, tờ bản đồ số 49; thửa số 11a, tờ bản đồ số 49; thửa số 16, tờ bản đồ số 49; thửa số 91b, tờ bản đồ số 50; thửa số 61, tờ bản đồ số 53; thửa số 88, tờ bản đồ số 53; cùng địa chỉ: Khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn với tổng diện tích 4.580,6m², đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-0052/QSDD/84/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 24/06/1999 đứng tên hộ ông Trình Dụ H. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên thực hiện theo quy định Luật Đất đai năm 1993. Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích các thửa 43; 04; 09; 11a; 16; 91b; 61; 88, 81; ông Trình Dụ H làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với tư cách hộ ông Trình Dụ H (BL 247); Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi rõ chủ sử dụng đất là hộ ông Trình Dụ H; trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng ghi rõ là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “*Hộ ông Trình Dụ H*”. Do đó xác định diện tích 09 thửa đất; diện tích 4580,6m² nêu trên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do UBND thị xã Lạng Sơn cấp ngày 24/6/1999, là cấp cho hộ gia đình.

[4] Thời điểm đó hộ gia đình ông Trình Dụ H, có các thành viên thuộc hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp. Do vậy, việc bản án sơ thẩm xác định toàn bộ 09 thửa đất trên là di sản của ông Trình Dụ H và bà Trình Thị C là chưa chính xác. Bởi, 09 thửa đất trên được cấp cho hộ ông Trình Dụ H; thì ông Trình Dụ H và bà Trình Thị C chỉ là hai thành viên của hộ gia đình; do đó quyền sử dụng đất của ông Trình Dụ H và bà Trình Thị C chỉ có hai phần trong quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình. Do đó, phải xác định các thành viên của hộ gia đình ông Trình Dụ H thời điểm cấp GCNQSDĐ gồm: Ông Trình Dụ H (tức Hoàng Viết D), bà Trình Thị C; bà Trình Thị L (T1); ông Lương Quang S (Phúc), chồng bà Lành; ông Trình A V; Bà Trình Thị M (chết năm 2010), Bà Lương Thị H (vợ ông Trình A V là công nhân, không trực tiếp làm nông nghiệp). Bà Trình Thị T (H), đã chuyển và đăng ký hộ khẩu tại 144, đường Nguyễn Du, khối 3 phường Đông Kinh và sinh sống tại địa chỉ trên từ 15/10/1981(BL số 11). Bà Trình Thị S (T2), đã đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại số *, khối *, xã H, huyện C từ trước thời điểm 27/10/1994 (BL 49, 50 và các bút lục từ 974-979). Như vậy, người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp của hộ ông Trình Dụ H gồm có 06 (sáu) thành viên. Trong những người là thành viên

có quyền sử dụng đất thì có 3 người đã chết, bà Trình Thị M, bà Trình Thị C, ông Trình Dụ H (Hoàng Viét D). Do đó, phần quyền sử dụng đất (Di sản) của những người đã chết nêu trên chỉ là một phần trong khối tài sản chung của hộ gia đình, mỗi người là 1/6 diện tích đất.

[5] Cụ Trình Dụ H chết, không để lại di chúc, phần đất này bà Trình Thị L (T1) nhận thừa kế toàn bộ 09 thửa đất nêu trên của cụ Trình Dụ H; cụ Trình Thị C, ông Trình A V, bà Trình Thị S (T2) lập văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế ngày 05/8/2011 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Lạng Sơn. (Bl số 16, 17; 18, 19, 20; 21-23). Do vậy, cấp sơ thẩm không chia cho bà S (T2) được hưởng phần di sản là có cơ sở. Tuy nhiên khi thực hiện lập thủ tục nhận, từ chối di sản thừa kế đã không đưa bà Trình Thị T (H) tham gia là thiếu sót. Ngày 28/01/2022, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố L ra Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư và dân cư N, thành phố L theo Điều 62 của Luật Đất đai 2013, số 204/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Thu hồi 08 thửa đất gồm (thửa số 43, thửa số 04, thửa số 09, thửa số 11a; thửa số 16; thửa số 91b; thửa số 61; thửa số 88) đã thu hồi để thực hiện dự án, diện tích bị thu hồi là 3.567,9m² (trong đó bà Trình Thị L thực hiện kê khai, kiểm đếm diện tích 3.354,5m², ông Trình A V kê khai, kiểm đếm diện tích 213,4m²). Bà Trình Thị L đã nhận giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số tiền là 1.716.911.500 đồng; ông Trình A V đã nhận số tiền là 315.073.200 đồng. Tổng số tiền bồi thường là 2.067.984.700 đồng, trừ đi tiền bồi thường về cây cối là 64.229.900 đồng, (các cây cối hoa màu trên đất là của các thành viên hộ gia đình bà Trình Thị L, ông Trình A V trồng; do vậy tiền bồi thường cây cối hoa màu không phải di sản thừa kế của ông Trình Dụ H, bà Trình Thị C, bà Trình Thị M); số tiền bồi thường còn lại là: 2.003.754.800 đồng (Làm tròn thành 2.000.000.000 đồng). Bản án sơ thẩm xác định di sản là 1/2 số tiền bồi thường hỗ trợ về đất và xử chấp nhận chia di sản này cho nguyên đơn bà Trình Thị T được hưởng 1/5 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H bằng tiền là 200.000.000 đồng là không đúng, vì xác định sai phần di sản của ông Trình Dụ H và bà Trình Thị C, nên Hội đồng xét xử P thẩm thấy cần chia lại đối với số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ do thu hồi 08 thửa đất tại phường Đ, thành phố L cụ thể như sau.

[6] Như đã phân tích tại mục [4] nêu trên, người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp của hộ ông Trình Dụ H thời điểm đó gồm có 06 (sáu) thành viên. Trong những người là thành viên có quyền sử dụng đất thì có 3 người đã chết. Do đó, phần quyền sử dụng đất (Di sản) của những người đã chết nêu trên chỉ là một phần trong khối tài sản chung của hộ gia đình, mỗi người là 1/6 diện tích đất. Phần của ông Trình A V, Trình Thị S (T2), bà Trình Thị C đã từ chối nhận. Bà Trình Thị L và ông Trình A V đã nhận tổng cộng số tiền là 2.067.984.700đ. Trong các khoản tiền nêu trên: Bà Trình Thị M, chết 16/8/2010; ông Trình Dụ H chết 18/5/2011; bà Trình Thị C chết 13/8/2012. Trừ khoản tiền bồi thường về cây cối hoa màu thì số tiền bồi thường do thu hồi 8 thửa đất còn lại là: 2.067.984.700đ – 64.230.800đ = 2.003.754.000đ (làm tròn số). Số tiền này là tài sản chung của 06 (sáu) thành viên hộ gia đình, nên phần tài sản của mỗi thành viên là 2.003.754.000đ : 6 = 333.959.000đ. Bà Trình Thị M chết trước ông Trình Dụ H, bà Trình Thị C, nên phần tài sản của bà Minh để lại được chia cho

hai người là ông Trình Dụ H, bà Trình Thị C được hưởng thừa kế, mỗi người là: $333.959.000đ : 2 = 166.979.000$ đồng. Xác định di sản của ông Trình Dụ H để lại đối với số tiền được nhà nước bồi thường, hỗ trợ là: $333.959.000đ + 166.979.000đ = 500.938.000đ$; Di sản của ông Trình Dụ H (tức Dấu) được chia cho hàng thừa kế thứ nhất là (bà Ca, bà Tuất, bà Sáy, bà Lành, ông Văn) $500.938.000đ : 5 = 100.187.600$ đồng/người. Như vậy, nguyên đơn bà Trình Thị T đối với số tiền nhà nước bồi thường hỗ trợ do thu hồi 8 thửa đất tại phường Đông Kinh thành phố Lạng Sơn là $100.187.600$ đồng. Bà Trình Thị L và ông Trình A V thừa nhận, số tiền nhận bồi thường, hỗ trợ, ông Trình A V và bà Trình Thị L đã phân chia đều nhau: Do vậy bà Trình Thị L, ông Trình A V mỗi người phải thanh toán cho bà Trình Thị T số tiền là $100.187.600$ đồng : $2 = 50.093.800$ đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa P thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S rút yêu cầu chia di sản đối với 03 lô đất tái định cư, vì chưa có Quyết định giao đất tái định cư, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[7] **Đối với thửa đất số 21**, tờ bản đồ số 45, diện tích $375,6m^2$ tại số 02, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do ông Trình A V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố L cấp ngày 27/12/2001 (BL số 42); trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ Trình Dụ H và cụ Trình Thị C xây dựng, hiện cháu Trình Mỹ L sử dụng và 01 căn nhà 02 tầng, 01 tum do vợ chồng ông Trình A V xây dựng. Thời điểm cụ Trình Dụ H và Trình Thị C còn sống, ông Trình A V sống cùng bố mẹ, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do hai cụ xây năm 1960 (BL số 334, 735 đến 740), năm 2001 khi ông Trình A V thực hiện kê khai, cụ Trình Dụ H và Trình Thị C còn sống không ai có ý kiến gì; ông Trình A V đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Do vậy, xác định thửa đất nêu trên không phải là di sản thừa kế. Do đó, yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S (Thành) đối với thửa đất này là không có căn cứ chấp nhận.

[8] **Đối với thửa đất 81**, tờ bản đồ 46, diện tích $906,2m^2$, tại Khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2011 bà Trình Thị L chia tách thành nhiều thửa nhỏ (thành 81; 81.1; 81.2; 81.3; 81.4; 81.5), để chuyển nhượng và tặng cho người khác. Do đó, đã có nhiều biến động nên thửa số 81 hiện nay được tách thành các thửa: Thửa số 240 do bà Trình Thị L (T1) đang quản lý, sử dụng; thửa 239 do ông Lành Văn H đang quản lý, sử dụng; thửa 123 ông Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị C đang sử dụng; thửa 317 ông Chu Văn D và bà Hoàng Thị Ngọc A sử dụng; thửa 125 do bà Hà Thị N (M) sử dụng; thửa 236 do ông Lê Minh K, bà Đỗ Thị D sử dụng; thửa 237 do bà Nguyễn Thị H1 sử dụng; thửa 261 do bà Trình Thị L (T3) sử dụng; thửa 260 do bà Trương Thị M (H) sử dụng. Những người này đều đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Hơn nữa, thửa đất này sau khi bà Trình Thị L nhận di sản thừa kế đã chia cho bà Trình Thị T diện tích $120m^2$, nay là thửa 126, tờ bản đồ số 46, bà Trình Thị T đã nhận và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2011, (BL số 306). Như vậy, bà Trình Thị T đã được chia $120m^2$ của thửa 81. Việc bà Trình Thị T

đã được chia 120m² là đã vượt quá kỷ phân so với quy định. Quá trình giải quyết tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Trình A V đều xác nhận, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu chia di sản của bà Trình Thị T đối với thửa đất này là có căn cứ, vì đã chia xong.

[9] **Thửa đất số 82**, tờ bản đồ số 46, diện tích 274,7m² địa chỉ Số *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, do bà Trình Thị L (T1) kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 2001, ngày 14/7/2004 được UBND thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất được cấp bà Lành (T1) đã xây nhà cấp 4 và công trình để sinh sống. Quá trình sử dụng đất, bà Trình Thị L (T1) đã trực tiếp sử dụng, quản lý từ năm 1994 được thể hiện tại sổ mục kê năm 1997 của Ủy ban nhân dân phường Đ, đứng tên chủ sử dụng đất là bà Trình Thị L. Khi đó ông Trình Dụ H, bà Trình Thị C còn sống nhưng không ai có ý kiến thắc mắc gì. Hơn nữa, bà Trình Thị L đã có quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài từ năm 1994 đến nay. Do vậy, xác định thửa đất này không phải là di sản thừa kế. Bởi vậy, yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất này là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[10] **Đối với 03 (ba) thửa đất**: Thửa số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ba thửa đất trên là đất nông nghiệp, tổng diện tích 4.242m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 01466/QSDĐ/112/2000/QĐ-UB(H) do UBND thị xã L (nay là UBND thành phố L) giấy chứng nhận ghi “Hộ ông Hoàng Viết D”; do đó theo quy định quyền sử dụng đất là của các thành viên hộ gia đình vào thời điểm cấp giấy chứng trên hộ gia đình ông Hoàng Viết D (Trình Dụ H), gồm các cá nhân như đã phân tích tại mục [4] nêu trên gồm có 06 người, phần của ông Hoàng Viết D (Trình Dụ H) là 1/6. Trong những người có quyền sử dụng đất có bà Trình Thị M, đã chết ngày 16/8/2010; phần di sản của bà Trình Thị M có hai người được hưởng thừa kế là ông Hoàng Viết D (H) và bà Trình Thị C; mỗi người được hưởng 1/2. Như vậy phần quyền sử dụng đất của ông Hoàng Viết D (Trình Dụ H) là 1/6 + 1/2 (kỷ phân của bà M). Bản án sơ thẩm nhận định di sản của ông Trình Dụ H là 1/2 số diện tích đất 4.242,0m² là không đúng. Do đó, cấp phúc thẩm xét thấy cần phải sửa lại.

[11] Sau khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Viết D) chết không để lại di chúc, phần đất này ông Trình A V nhận thừa kế của cụ Trình Dụ H; cụ Trình Thị C, bà Trình Thị L (T1), bà Trình Thị S (T2) lập văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế ngày 05/8/2011 tại Phòng công chứng N. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chia kỷ phân cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S (T2) đối với các thửa đất trên là có cơ sở. Tuy nhiên khi thực hiện lập thủ tục nhận, từ chối di sản thừa kế đã không đưa bà Trình Thị T (H) tham gia là thiếu sót. Bởi vậy, yêu cầu chia di sản của bà Trình Thị T đối với 03 thửa đất nêu trên có cơ sở để xem xét. Các thửa đất nêu trên ông Trình A V đứng tên toàn bộ, sau đó nhập thửa, tách thửa, cụ thể: Thửa số 55 tách thành thửa số 374 và thửa số 375, tờ bản đồ số 16. Thửa số 19 và thửa số 20 nhập thửa rồi tách thành thửa số 386 và thửa số 387, tờ bản đồ số 24. Đối với Thửa số 387 ông Trình A V tiếp tục tách thành các thửa số

396, 397, 398. Ông Trình A V tặng cho và chuyển nhượng cho một số người khác. Do đó, hiện trạng 03 thửa đất nêu trên đã có biến động. Hơn nữa, 03 thửa đất trên UBND thành phố L đã có thông báo số 1088/TB-UBND ngày 13/8/2020, thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị mới Mai Pha...(BL số 1033), nên không thể chia bằng hiện vật là đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia bằng giá trị tiền tương ứng với kỹ phần được hưởng, của các thửa đất số 19, thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16 là có cơ sở.

[12] Kết quả định giá đất của các thửa đất nêu trên là 221.512.800 đồng. Số tiền trên là tài sản chung của hộ gia đình gồm 6 thành viên như đã nêu phân trên, nên phần của mỗi thành viên hộ gia đình sẽ là: $221.512.800đ : 6 = 36.918.800đ$. Di sản của Trình Thị M chia cho ông H và bà C, mỗi người được hưởng là: $36.918.800đ : 2 = 18.459.400đ$; nên di sản của ông Trình Dự H sẽ bao gồm: $36.918.800đ + 18.459.400đ = 55.378.200đ$ (làm tròn là 55.378.000đ). Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Việt D (Trình Dự H) gồm có vợ và các con là 5 người, $55.378.000đ : 5 = 11.075.600đ$ /mỗi kỹ phần. Như vậy, nguyên đơn bà Trình Thị T được chia số tiền là **11.075.600 đồng**. Ông Trình A V, bà Trình Thị L mỗi người phải thanh toán trả cho bà Trình Thị T mỗi người là 5.537.800 đồng (năm triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng). Do đó, yêu cầu được chia bằng hiện vật (đất) của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S (Thành) đối với các thửa đất trên không được chấp nhận, vì không có căn cứ.

[13] **Đối với 02 (hai) thửa đất gồm:** thửa đất số 295, 310 thuộc tờ bản đồ 106; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cụ Trình Dự H (Hoàng Việt D) và cụ Trình Thị C chết không để lại di chúc 02 thửa đất nêu trên. Ông Trình A V và bà Trình Thị L đã tự đi kê khai đối với 02 thửa đất này. Ông Trình A V quản lý, sử dụng thửa số 295, tờ bản đồ số 106, diện tích 807m². Bà Trình Thị L quản lý, sử dụng thửa số 310, tờ bản đồ số 106, diện tích 1.051m², sau đó bà Trình Thị L đổi đất làm đường, hiện thực tế chỉ còn 871m². Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trình Thị L và ông Trình A V khai là đất của ông cha để lại nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L trong sổ mục kê năm 1997 thửa đất 295 và 310 đứng tên Hoàng Việt D. Do đó, phải xác định các thành viên của gia đình ông Hoàng Việt D (Trình Dự H) thời điểm năm 1997 gồm: Ông Trình Dự H (tức Hoàng Việt D), bà Trình Thị C; bà Trình Thị T; bà Trình Thị L (T1); bà Trình Thị S (T2); ông Trình A V; Bà Trình Thị M (chết năm 2010), do đó xác định 02 thửa đất này là di sản thừa kế của gia đình cụ Trình Dự H (Hoàng Việt D) và Trình Thị C, gồm có 07 người nêu trên. Bản án sơ thẩm nhận định di sản của ông Trình Dự H là 1/2 số diện tích đất 1.678m² là không đúng. Bởi, trong sổ mục kê năm 1997 thửa đất 295 diện tích 807m² và thửa 310 diện tích 1.051m² tổng diện tích là 1.858m² đứng tên ông Hoàng Việt D. Năm 2019 ông Trình A V đi kê khai thửa số 295 và đứng tên trong GCNQSDĐ, ông Trình A V đã chuyển nhượng cho bà Lương Thị H1 ngày 09/5/2022. Thửa số 310, tờ bản đồ số 106, diện tích 1.051m². Năm 2019 bà Trình Thị L đi kê khai thửa số 310 và đứng tên trong GCNQSDĐ, sau đó bà Trình Thị L đổi đất làm đường, hiện thực tế chỉ còn 871m².

[14] Nguyên đơn bà Trình Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị S có yêu cầu chia phần di sản này là có cơ sở. Tuy nhiên, do đất đã có nhiều biến động, nên yêu cầu được chia bằng hiện vật (đất) của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S (T2) đối với các thửa đất trên không được chấp nhận. Chỉ chấp nhận chia được giá trị bằng tiền. Bà Trình Thị T, bà Trình Thị S (T2) mỗi người được hưởng 1/7 di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H, cụ Trình Thị C, bà Trình Thị M tương ứng giá trị các thửa đất số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích 1.858m². Kết quả định giá đất của các thửa đất nêu trên là 1.858m² x 500.000đồng/m² = 929.000.000 đồng. Số tiền trên là tài sản chung của hộ gia đình gồm 07 thành viên như đã nêu phần trên, nên phần của mỗi thành viên hộ gia đình sẽ là: 929.000.000đồng : 7 = 132.714.000 đồng (làm tròn số). Di sản của ông Trình Dụ H và bà Trình Thị C, mỗi người được hưởng là: 132.714.000 đồng cộng thêm xuất của bà Trình Thị M = 398.142.000 đồng. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Việt D (Trình Dụ H), bà Trình Thị C gồm có 04 người: Bà Trình Thị T, Trình Thị S (T2), bà Trình Thị L (T1) và ông Trình A V nên mỗi người được hưởng là 398.142.000 đồng: 4 = 99.535.000 đồng/một kỷ phần (làm tròn số). Như vậy, nguyên đơn bà Trình Thị T được chấp nhận chia số tiền 132.714.000 đồng + 99.535.000 đồng = 232. 249.000 đồng. Tương tự như bà Trình Thị T, bà Trình Thị S (T2), ông Trình A V, bà Trình Thị L cũng được chia số tiền là 232. 249.000 đồng. Ông Trình A V, bà Trình Thị L đã đăng ký đứng tên trong GCNQSDĐ và đã chuyên nhượng cho người khác, nên ông Trình A V, bà Trình Thị L phải thanh toán trả cho bà Trình Thị T và bà Trình Thị S (Thành), mỗi người là **232. 249.000 đồng**. (cụ thể: Bà Trình Thị L phải thanh toán trả cho bà Trình Thị T 232. 249.000 đồng. Ông Trình A V phải thanh toán trả cho bà Trình Thị S là 232. 249.000 đồng).

[15] **Đối với 03 thửa đất (thửa 64, 65, 66)** cùng tờ bản đồ số 37 tại khối 4 thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích là 1.201,9m², ngày 16/5/2007 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trình Thị C. Sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trình Thị C đã nhập thửa đất của ông Lương Văn A . Khi được cấp GCNQSDĐ bà Trình Thị C đã chia thửa 64-4 cho ông Lương Văn A đứng tên trong GCNQSDĐ, các thửa 65-4 và 66-4, tổng diện tích thực tế là 746,0m², chia cho bà Trình Thị L và ông Trình A V mục đích đất trồng lúa. Xác định nguồn gốc đất của bố mẹ bà Trình Thị C để lại; không phải do vợ chồng bà Trình Thị C tạo lập lên; bà Trình Thị C kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện hưởng thừa kế; UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trình Thị C là cấp riêng cho bà Trình Thị C, không phải cấp cho vợ chồng bà Trình Thị C và ông Trình Dụ H, không phải cấp cho hộ gia đình bà Trình Thị C. Thời điểm cấp cụ Trình Dụ H không có ý kiến gì. Do đó, có cơ sở xác định đây là tài sản riêng của cụ Trình Thị C, theo quy định tại Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vấn đề này phù H với lời khai của nguyên đơn. Phù H với biên bản lấy lời khai của bà Trình Thị S (BL số 562), thể hiện vợ chồng bà S (T2) đã được cụ Trình Thị C chia cho diện tích 526m². Đồng thời cũng phù H với lời khai của người làm chứng ông Trình Dụ S và bà Trình Thị D là người chuyển nhượng đất của mình cho vợ chồng bà Trình Thị S (T2) năm 2004 và

đến năm 2007 cụ Trình Thị C trao đổi với chồng bà S là ông Lương Văn A để bà Trình Thị C đi kê khai gộp thửa đất của ông và các thửa đất của bà Trình Thị C vào năm 2007, sau khi được cấp GCNQSDĐ thì bà Trình Thị C làm thủ tục tách thửa và tặng cho các con (BL 952, 953). Như vậy, có cơ sở xác định đây là tài sản riêng của bà Trình Thị C, nên bà có quyền quyết định và tự định đoạt đối với tài sản của mình là có cơ sở.

[16] Hơn nữa, theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Văn bản mượn các tài liệu gồm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/11/2006; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có chứng thực ngày 02/02/2012, Biên bản thẩm định hồ sơ cho tặng quyền sử dụng đất ngày 16/3/2012, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 16/3/2012 (**Đều là bản gốc**) được lưu giữ tại Cơ quan có thẩm quyền của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giám định. Sau khi thu thập được các tài liệu cần giám định đã ban hành Quyết định số 04/2024/QĐ-TCGD ngày 21/3/2024 để giám định chữ ký và chữ viết của cụ Trình Thị C. Tại Kết luận giám định số 453/KL-KTHS ngày 03/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, về việc giám định chữ ký và chữ viết Trình Thị C. Tại bản Kết luận giám định: Chữ ký dạng chữ viết "Ca" trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết tên Trình Thị C phía dưới mục (người sử dụng đất-ký tên...) trên các tài liệu ký hiệu A1 so với A2, A3 không phải do cùng một người ký ra. Đối với ký hiệu A4 so với các ký hiệu A1, A2, A3 không đủ cơ sở kết luận (do chữ ký, ký trên nền tẩy xóa). Đối với chữ viết họ tên Trình Thị C dưới mục (người sử dụng đất-ký tên) trên tài liệu ký hiệu A1 so với chữ viết trên các tài liệu ký hiệu A2, A3, A4 không phải do cùng một người viết ra. Chữ viết họ tên Trình Thị C dưới mục (bên A- ký và ghi rõ họ tên) trên 02 tài liệu ký hiệu A2 so với tài liệu ký hiệu A3 do cùng một người viết ra. Chữ viết họ tên Trình Thị C trên tài liệu ký hiệu A4 so với chữ viết trên các tài liệu ký hiệu A1, A2, A3 không phải do cùng một người viết ra. Hơn nữa, các tài liệu nêu trên đều do UBND thị trấn C và Cơ quan có thẩm quyền của UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho bà Trình Thị C. Do đó, bản án sơ thẩm xác định thửa 64, 65 và 66 là tài sản chung của vợ chồng bà Trình Thị C và ông Trình Dự H là không đúng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và các lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án. Các thửa đất nêu trên được cấp GCNQSDĐ trong thời kỳ hôn nhân nhưng đứng tên riêng cụ Trình Thị C. (Như đã phân tích tại mục [15]). Hội đồng xét xử P thẩm xác định 03 thửa đất gồm; thửa 64, 65, 66 cùng tờ bản đồ số 37 tại khối 4 thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn không phải là di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa đất trên là di sản thừa kế là không chính xác. nên đã chia giá trị các thửa đất trên cho các đồng thừa kế được hưởng là không đúng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trình Thị S (T2) đối với các thửa đất trên không được chấp nhận, vì không có căn cứ.

[17] Từ những phân tích, nhận định nêu trên: Hội đồng xét xử thấy rằng, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị S (T2). Không chấp nhận yêu cầu hủy

Văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 05/8/2011; Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 15/9/2011 và yêu cầu hủy toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trình A V, bà Trình Thị L với những người khác có liên quan, vì không có căn cứ. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trình Thị L (T1), ông Trình A V đề nghị xác định rõ di sản thừa kế để chia theo pháp luật.

[18] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Hội đồng xét xử thấy rằng; Khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã có những T3ếu sót, vi phạm đã được phân tích, nhận định nêu trên; cũng như ý kiến thay đổi quyết định kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đối với các vi phạm của bản án sơ thẩm, xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, mà cần sửa bản án sơ thẩm để làm rõ diện tích nào là di sản thừa kế, diện tích nào không phải là di sản thừa kế và chia theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi nội dung kháng nghị nêu trên là phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án.

[19] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[20] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị S (T2) được chấp nhận một phần, nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần được chia và phần không được chấp nhận theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên bà Trình Thị T (H) và bà Trình Thị S (T2) thuộc trường hợp miễn án phí và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án, nên bà Trình Thị T (H) và bà Trình Thị S (T2) được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần được chia, căn cứ theo khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trình Thị L (T1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của $343.512.200 \times 5\% = 17.175.600$ đồng (làm tròn). Ông Trình A V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của $343.512.200 \times 5\% = 17.175.600$ đồng (làm tròn) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[21] Về chi phí Tố tụng: Tổng cộng đã chi hết số tiền là 70.783.000 đồng. Yêu cầu của bà Trình Thị T (H) đối với tài sản tại tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn không được chấp nhận, nên phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng đối với phần này là 19.640.000 và chi phí tố tụng tương ứng với phần di sản được chia là 12.865.000 đồng, do vậy bà Trình Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy với tổng số tiền là 32.505.000 đồng, xác nhận bà Trình Thị T đã nộp đủ.

[22] Bà Trình Thị S (T2) phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy tương ứng phần di sản được chia với tổng số tiền là 12.548.000 đồng. Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị S phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 12.548.000 đồng.

[23] Bà Trình Thị L (T1) phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy là 12.865.000 đồng. Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 12.865.000 đồng.

[24] Ông Trình A V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy là 12.865.000 đồng. Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 12.865.000 đồng.

[25] Ý kiến người đại diện của nguyên đơn bà Trình Thị T. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của bị đơn bà Trình Thị L (T1), ông Trình A V. Ý kiến người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị S (T2) được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận những vấn đề có cơ sở. Không chấp nhận những vấn đề không có căn cứ.

[26] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[27] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trình Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị S (T2). Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trình Thị L (T1), ông Trình A V. Chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau.

1. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 37; Điều 296, Điều 285, 286, 293, 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các Điều 623, 649, 650, 651, 653, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

2. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Trình Thị T (H).

3. Xác định thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất ngày 18/5/2011 khi cụ Trình Dụ H (Hoàng Viêt D) chết; thời điểm mở thừa kế lần thứ hai ngày 13/8/2012 cụ Trình Thị C chết. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trình Dụ H (Hoàng Viêt D) chết gồm: Cụ Trình Thị C, bà Trình Thị T (H), bà Trình Thị L (T1), bà Trình Thị S (T2), ông Trình A V. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trình Thị C gồm: Bà Trình Thị T (H), bà Trình Thị L (T1), bà Trình Thị S (T2), ông Trình A V.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H (Hoàng Viêt D) và cụ Trình Thị C, được phân chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền gồm:

4.1. Giá trị của 08 (tám) thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L là 2.003.754.000đ (hai tỉ, không trăm linh ba triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng. Đã làm tròn số).

4.2. Thửa số 19, tờ bản đồ số 24; thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; nay là các thửa số 374, 375, cùng tờ bản đồ số 16; các thửa số 393, 394, 395, 396, 397, 398, cùng tờ bản đồ số 24; có tổng diện tích 4.242m² cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả định giá đất của các thửa đất nêu trên là 221.512.800 đồng (hai trăm hai mươi một triệu, năm trăm mười hai nghìn tám trăm đồng).

4.3. Thửa số 295, 310 (nay là thửa số 933) thuộc tờ bản đồ 106; tổng diện tích là diện tích 1.858m², địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả định giá đất của các thửa đất nêu trên là 1.858m² x 500.000đồng/m² = 929.000.000 đồng (chín trăm hai mươi chín triệu).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trình Thị T (H) đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế các thửa đất (dưới đây). Vì không phải di sản thừa kế của cụ Trình Dụ H (Hoàng Viêt D) và cụ Trình Thị C.

5.1. **Thửa đất số 21**, tờ bản đồ số 45, diện tích 375,6m² tại số 02, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do ông Trình A V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Lạng Sơn cấp ngày 27/12/2001.

5.2. **Thửa đất 81**, tờ bản đồ 46, diện tích 906,2m², tại Khối *, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vì đã được chia xong.

5.3. **Thửa đất số 82**, tờ bản đồ số 46, diện tích 274,7m² địa chỉ Số *, ngõ *, đường N1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do bà Trình Thị L (T1) kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 2001, đã được UBND thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2004.

5.4. **03 thửa đất (thửa 64, 65, 66)** cùng tờ bản đồ số 37 tại khối * thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích là 1.201,9m², ngày 16/5/2007 đã được UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trình Thị C.

5.5. Không chấp nhận yêu cầu hủy Văn bản nhận tài sản thừa kế lập ngày 05/8/2011; Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 15/9/2011 và yêu cầu hủy

toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trình A V, bà Trình Thị L với những người khác có liên quan. Vì không có căn cứ.

6. Phân chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền, cho những người trong diện thừa kế cụ thể như sau:

6.1. Bà Trình Thị T được chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền, là 100.187.600 đồng (một trăm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng) tiền bồi thường đối với 08 (tám) thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu Tái định cư và dân cư N thành phố L. Bà Trình Thị L, ông Trình A V mỗi người phải thanh toán cho bà Trình Thị T số tiền là 50.093.800 đồng (năm mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn tám trăm đồng).

6.2. Bà Trình Thị T được chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền, là 11.075.600 đồng (mười một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) giá trị của các thửa đất số 19, thửa số 20, tờ bản đồ số 24; thửa số 55, tờ bản đồ số 16; nay là các thửa số 374, 375, cùng tờ bản đồ số 16; các thửa số 393, 394, 395, 396, 397, 398, cùng tờ bản đồ số 24; có tổng diện tích 4.242m² cùng địa chỉ: Thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Trình A V, bà Trình Thị L phải thanh toán trả cho bà Trình Thị T mỗi người là 5.537.800 đồng (năm triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

6.3. Bà Trình Thị T được chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền, là 232.249.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn chín nghìn đồng) giá trị của các thửa đất số 295, 310 thuộc tờ bản đồ 106; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Trình A V, bà Trình Thị L phải thanh toán trả cho bà Trình Thị T mỗi người là 116.124.500 đồng (một trăm mười sáu triệu, một trăm hai bốn nghìn năm trăm đồng).

6.4. Tổng số tiền bà Trình Thị T (tức H) được hưởng là 343.512.200 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

7. Bà Trình Thị S (tức T2) được chia di sản thừa kế bằng giá trị tiền, là 232.249.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn chín nghìn đồng) giá trị của các thửa đất số 295, 310 thuộc tờ bản đồ 106; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Trình A V, bà Trình Thị L phải thanh toán trả cho bà Trình Thị S (T2) mỗi người là 116.124.500 đồng (một trăm mười sáu triệu, một trăm hai bốn nghìn năm trăm đồng). Tổng số tiền bà Trình Thị S (tức Thành) được hưởng là 232.249.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

8. Tổng số tiền bà Trình Thị L (tức T1) được hưởng là 343.512.200 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

9. Tổng số tiền ông Trình A V được hưởng là 343.512.200 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm mười hai nghìn hai trăm đồng).

10. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trình Thị T (H) về yêu cầu chia thừa kế đối với 03 (ba) lô đất tái định cư (khu tái định cư và dân cư N, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn). Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

11. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.500.000 đồng; Chi phí đo đạc là 61.283.000 đồng. Tổng cộng: 70.783.000 đồng (bảy mươi triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

11.1. Bà Trình Thị T (H) phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy, tổng số tiền là 32.505.000 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng). Xác nhận bà Trình Thị T đã nộp đủ.

11.2. Bà Trình Thị S (T2) phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy, tổng số tiền là 12.548.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị S phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 12.548.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

11.3. Bà Trình Thị L (T1) phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy, tổng số tiền là 12.865.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; bà Trình Thị L (T1) phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 12.865.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

11.4. Ông Trình A V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bằng máy, tổng số tiền là 12.865.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Số tiền này bà Trình Thị T đã nộp tạm ứng trước để chi phí; ông Trình A V phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trình Thị T số tiền là 12.865.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

12.1. Bà Trình Thị T (H) và bà Trình Thị S (Thành) được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.2. Bà Trình Thị L (T1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 17.175.600 đồng (mười bảy triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

12.3. Ông Trình A V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 17.175.600 đồng (mười bảy triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

13. Về án phí phúc thẩm:

Bà Trình Thị T; Trình Thị S; Trình Thị L và ông Trình A V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trình Thị S; bà Trình Thị L và ông Trình A V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000128 ngày 13/10/2023; biên lai thu tiền số AA/2023/0000099 ngày 09/10/2023 và biên lai thu tiền số AA/2023/0000100 ngày 09/10/2023, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật T3 hành án dân sự.

Bản án dân sự P có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TPLS, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Đức Chiến